

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 578/2024/DS-PT

Ngày: 25- 6- 2024

V/v Tranh chấp Hợp đồng  
dịch vụ pháp lý.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Bà Nguyễn Thị Thu**

*Các Thẩm phán:*

**:Bà Phạm Thị Kim**

**:Bà Nguyễn Thị Kim Cương.**

*Thư ký phiên tòa:* **Bà Đỗ Thanh Thảo Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân  
Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:* **Bà Nguyễn Thị  
Tô Quyền** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2024 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành  
phố Hồ Chí Minh, số 131 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, Quận 1, Thành  
phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 397/2024/TLPT-DS,  
ngày 03 tháng 5 năm 2024, về việc: “Tranh chấp Hợp đồng dịch vụ pháp lý”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 679/2024/DS-ST ngày 05-3-2024 của Tòa án  
nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2613/2024/QĐ-PT ngày  
15/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 7889/2024/QĐ-PT ngày  
10/6/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

**1. Nguyên đơn:** Văn phòng Luật sư T.

Địa chỉ: 852 Đường H, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ủy quyền bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1999 và ông Dương Đức C, sinh năm  
1997 - Đại diện (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ trên.

(Giấy ủy quyền ngày 28/8/2023).

**2. Bị đơn:**

2.1. Ông Huỳnh Trần V, sinh năm 1980 (Có mặt);

2.2. Bà Lê Thị Kim A, sinh năm 1985 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: 204 Đường E, phường P, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

**3. Người Kháng cáo:** Bị đơn - Ông Huỳnh Trần V.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo Bản án sơ thẩm, sự việc được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/7/2019, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 27/9/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn Văn phòng Luật sư T ủy quyền bà Nguyễn Thị T2 và ông Dương Đức C trình bày: Ngày 15/11/2018, Văn phòng Luật sư T (gọi tắt là Văn phòng Luật sư) và vợ chồng ông Trần Huỳnh V, bà Lê Thị Kim A ký Hợp đồng dịch vụ pháp lý số: 93/HĐPL/2018, có nội dung: “Văn phòng Luật sư có trách nhiệm tư vấn pháp lý và cử người tham gia tố tụng cho ông V, bà A với tư cách đại diện theo ủy quyền của bị đơn trong vụ án: “Tranh chấp Hợp đồng đặt cọc mua bán nhà đất”, với nguyên đơn ông Nguyễn Văn F và ông Trần Quốc C tại Tòa án nhân dân Quận 9 (nay là Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh. Chi phí dịch vụ là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) tham gia hai cấp xét xử, thanh toán làm 03 đợt. Đợt 1: Thanh toán 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) ngay sau khi ký Hợp đồng dịch vụ. Đợt 2: Thanh toán 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) khi các bên thống nhất được cách thức giải quyết vấn đề hoặc khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Đợt 3: Thanh toán 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) khi Bản án bị kháng cáo (cấp phúc thẩm). Trong hợp đồng nêu rõ trách nhiệm của khách hàng nếu tự ý chấm dứt hợp đồng thì phải tự chịu trách nhiệm và phải thanh toán đầy đủ chi phí, thù lao cho Văn phòng Luật sư và Văn phòng Luật sư không chịu trách nhiệm về sự thành công của công việc khi khách hàng đưa thông tin không chính xác, sai lệch...”.

Sau khi ký hợp đồng, ông V, bà A thanh toán cho Văn phòng Luật sư 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng), ông V, bà A lập Giấy ủy quyền cho Luật sư Nguyễn Hữu T3 tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh trong vụ án nêu trên.

Trong quá trình Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết vụ án, ông V, bà A liên tục đưa ra những yêu cầu không có căn cứ pháp lý, theo định kiến cá nhân của ông V, bà A bất chấp pháp luật, luân thường đạo lý xã hội... các yêu cầu này, còn vi phạm đạo đức xã hội để buộc Luật sư Thực thực hiện theo. Văn Phòng Luật sư đã tư vấn và phân tích rõ cho ông V, bà A hiểu về quyền và nghĩa vụ của ông V, bà A trong vụ kiện nhưng ông V, bà A không đồng ý với Luật sư tư vấn pháp lý về cách thức giải quyết tranh chấp theo quy định pháp luật và phù hợp với đạo đức xã hội.

Ngày 22/3/2019, Văn phòng Luật sư nhận được văn bản của ông V, bà A, về việc đơn phương chấm dứt việc ủy quyền cho Luật sư T3. Như vậy, khách hàng đã tự ý chấm dứt Hợp đồng dịch vụ pháp lý. Theo đó, quyền và nghĩa vụ các bên theo thỏa thuận tại hợp đồng là nếu khách hàng tự ý chấm dứt hợp đồng thì phải tự chịu trách nhiệm và phải thanh toán đầy đủ chi phí, thù lao cho Văn phòng Luật sư.

Ngày 25/3/2019, Văn phòng Luật sư thông báo bằng văn bản cho ông V, bà A đến Văn phòng Luật sư để thanh lý hợp đồng, nhưng ông V, bà A không đến.

Nay, Văn phòng Luật sư khởi kiện yêu cầu ông V và bà A phải thanh toán cho Văn phòng Luật sư, chi phí dịch vụ, đợt 2 theo hợp đồng là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) và tiền lãi chậm trả, tính từ ngày 25/3/2019 đến ngày 25/9/2019, với lãi suất 9%/năm là 1.368.943 đồng (Một triệu ba trăm sáu mươi tám ngàn chín trăm bốn mươi ba đồng). Tổng cộng 31.368.943 đồng (Ba mươi một triệu ba trăm sáu mươi tám ngàn chín trăm bốn mươi ba đồng).

Bị đơn ông Huỳnh Trần V và bà Lê Thị Kim A trình bày: Thời gian ký hợp đồng và nội dung hợp đồng như nguyên đơn trình bày. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn giao 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) cho Văn phòng Luật sư. Ngày 15/11/2018, bị đơn lập Giấy ủy quyền cho ông T3 tham gia tố tụng tại Tòa án. Ông T3 không làm đúng theo yêu cầu của bị đơn, cụ thể: Ông T3 không làm đơn khiếu nại lần 2, về việc Tòa án chưa trả lời khiếu nại Áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, không thu thập chứng cứ, không tư vấn cho khách hàng biết việc đưa ra yêu cầu phản tố trước khi Tòa mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Mặt khác, Hợp đồng dịch vụ pháp lý, chỉ có khách hàng phải có nghĩa vụ và trách nhiệm, còn Văn phòng Luật sư không có nghĩa vụ và trách nhiệm gì. Do bị lừa dối nên bị đơn mới ký Hợp đồng dịch vụ pháp lý nêu trên. Do vậy, ngày 22/3/2019, bị đơn buộc phải chấm dứt hợp đồng với Văn phòng Luật sư. Bị đơn nhiều lần đến Văn phòng Luật sư để yêu cầu thanh lý hợp đồng và yêu cầu trả lại các tài liệu chứng cứ cho bị đơn nhưng Văn phòng Luật sư yêu cầu bị đơn phải đưa thêm cho Văn Phòng Luật sư 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) thì trả lại các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ kiện.

Ngày 28/8/2020, bị đơn ông V có đơn yêu cầu phản tố, như sau:

Tuyên bố Hợp đồng dịch vụ pháp lý số: 93/HĐPL/2018 ngày 15/11/2018 vô hiệu do bị lừa dối theo quy định tại Điều 127 Bộ luật dân sự năm 2015;

Văn phòng Luật sư phải trả lại cho ông các tài liệu, gồm: 01 USB chứa các file tài liệu, hình ảnh, âm thanh; Bản chính Giấy phép xây dựng số: 2534/GPXD ngày 14/7/2018 do Ủy ban nhân dân Quận 9 (nay là Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức) Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông; Bản chính Hợp đồng thuê nhà ngày 28/11/2016, giữa ông và Công ty Thiết bị Y tế K;

Văn phòng Luật sư phải có văn bản xin lỗi về việc vu khống, xúc phạm danh dự của ông.

Ngày 08/3/2021, ông có đơn yêu cầu phản tố bổ sung, yêu cầu Văn phòng Luật sư phải trả lại cho ông và bà A số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) theo Biên nhận ngày 15/11/2018 và tiền lãi tạm tính từ ngày 15/11/2018 đến ngày 15/02/2021, với lãi suất 12%/năm.

***Tại phiên tòa sơ thẩm:***

Bị đơn ông V thay đổi một phần yêu cầu phản tố, cụ thể như sau: Từ yêu cầu tuyên bố Hợp đồng dịch vụ pháp lý số: 93/HĐPL/2018 ngày 15/11/2018 vô hiệu do bị lừa dối thành yêu cầu chấm dứt Hợp đồng dịch vụ pháp lý số: 93/HĐPL/2018 ngày 15/11/2018.

Văn phòng Luật sư phải trả lại số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi, tính từ ngày 15/11/2018 đến ngày 27/02/2024, lãi suất 12%/năm là 35.700.000 đồng (Ba mươi lăm triệu bảy trăm ngàn đồng). Tổng cộng 105.700.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu bảy trăm ngàn đồng).

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 679/2024/DS-ST ngày 05-3-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Văn phòng Luật sư T, về việc yêu cầu ông Huỳnh Trần V và bà Lê Thị Kim A phải thanh toán số tiền đợt 2 của Hợp đồng dịch vụ pháp lý số: 93/HĐPL/2018 ngày 15/11/2018 là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) và tiền lãi là 1.368.943 đồng (Một triệu ba trăm sáu mươi tám ngàn chín trăm bốn mươi ba đồng). Tổng cộng 31.368.943 đồng (Ba mươi một triệu ba trăm sáu mươi tám ngàn chín trăm bốn mươi ba đồng).

2. Chấp nhận 01 phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Huỳnh Trần V. Chấm dứt Hợp đồng dịch vụ pháp lý số: 93/HĐPL/2018 ngày 15/11/2018, giữa Văn phòng Luật sư T và ông Huỳnh Trần V, bà Lê Thị Kim A.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Huỳnh Trần Vũ, về việc yêu cầu:

Văn phòng Luật sư T phải trả lại cho ông Huỳnh Trần V các tài liệu, gồm: 01 USB chứa các file tài liệu, hình ảnh, âm thanh; Bản chính Giấy phép xây dựng số: 2534/GPXD ngày 14/7/2018 do Ủy ban nhân dân Quận 9 cấp cho ông Huỳnh Trần V; Bản chính Hợp đồng thuê nhà ngày 28/11/2016, giữa ông Huỳnh Trần V và Công ty Thiết bị Y tế K;

Văn phòng Luật sư Thục và Cộng sự phải có văn bản xin lỗi về việc vu khống, xúc phạm danh dự ông Trần Huỳnh Vũ.

Văn phòng Luật sư T phải trả lại cho ông Huỳnh Trần V và bà Lê Thị Kim A số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi là 35.700.000 đồng (Ba mươi năm triệu bảy trăm ngàn đồng). Tổng cộng 105.700.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu bảy trăm ngàn đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự và quy định về Thi hành án.

Ngày 05/3/2024, ông Huỳnh Trần V có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm.

***Tại phiên tòa phúc thẩm:***

Bị đơn ông Huỳnh Trần V vẫn giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án theo hướng, tuyên bố Hợp đồng dịch vụ pháp lý số: 93/HĐPL/2018 ngày 15/11/2018, giữa ông, bà A và Văn phòng Luật sư là vô hiệu do bị lừa dối; Yêu cầu Văn phòng Luật sư trả lại cho ông và bà A số tiền 70.000.000 đồng (là số tiền ông và bà A trả chi phí dịch vụ cho Văn phòng Luật sư theo Biên nhận ngày 15/11/2018), tiền lãi là 35.700.000 đồng; Tổng cộng 105.700.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu bảy trăm ngàn đồng); Yêu cầu Văn phòng Luật sư phải có văn bản xin lỗi về việc vu khống, xúc phạm danh dự của ông.

Bị đơn bà Lê Thị Kim A có cùng ý kiến ông V.

Nguyên đơn Văn phòng Luật sư ủy quyền bà Nguyễn Thị T2 và ông Dương Đức C vắng mặt.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu - đề nghị:**

Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Các đương sự chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông V, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]** Văn phòng Luật sư T ủy quyền bà Nguyễn Thị T2 và ông Dương Đức C, việc ủy quyền này, phù hợp với Điều 85 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

**[2]** Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị T2 và ông Dương Đức C đại diện theo ủy quyền Văn phòng Luật sư T là nguyên đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2,3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm theo quy định pháp luật.

**[3]** Hồ sơ vụ án thể hiện, tại Đơn yêu cầu phản tố ngày 25/8/2020 của ông Huỳnh Trần V, yêu cầu Tòa cấp sơ thẩm tuyên bố Hợp đồng dịch vụ pháp lý số: 93/HĐPL/2018 ngày 15/11/2018, giữa ông, bà A và Văn phòng Luật sư là vô hiệu do bị lừa dối. (Bút lục 138 - 140).

**[3.1]** Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông V thay đổi yêu cầu phản tố, cụ thể: Từ yêu cầu Tòa tuyên bố Hợp đồng dịch vụ pháp lý số: 93/HĐPL/2018 ngày 15/11/2018, giữa ông, bà A và Văn phòng Luật sư là vô hiệu do bị lừa dối thành yêu cầu chấm dứt Hợp đồng dịch vụ pháp lý số: 93/HĐPL/2018 ngày 15/11/2018. Việc, ông V thay đổi yêu cầu chấm dứt Hợp đồng dịch vụ pháp lý này thì Văn Phòng Luật sư cũng đồng ý. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm, chấp nhận 01 phần yêu cầu phản tố của ông V, chấm dứt Hợp đồng dịch vụ pháp lý số: 93/HĐPL/2018 ngày 15/11/2018, giữa ông V, bà A và Văn phòng Luật sư là đúng theo quy định pháp luật.

**[4]** Tại phiên tòa phúc thẩm, ông V kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm, tuyên bố Hợp đồng dịch vụ pháp lý số: 93/HĐPL/2018 ngày 15/11/2018, giữa ông, bà A và Văn phòng Luật sư là vô hiệu do bị lừa dối.

**[4.1]** Tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quy định: “Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm, quyết định của Tòa án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị hoặc có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng cáo, kháng nghị”.

**[4.2]** Đối chiếu với điều luật nêu trên, Hội đồng xét xử, xét thấy, như đã nêu tại mục [3.1] do tại phiên tòa sơ thẩm, ông V không yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết yêu cầu tuyên bố Hợp đồng dịch vụ pháp lý số: 93/HĐPL/2018 ngày 15/11/2018, giữa ông V, bà A và Văn phòng Luật sư là vô hiệu do bị lừa dối nên Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết yêu cầu này của ông V. Do, yêu cầu phản tố của ông V, yêu cầu tuyên bố Hợp đồng dịch vụ pháp lý số: 93/HĐPL/2018 ngày 15/11/2018 là vô hiệu do bị lừa dối chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, giải quyết nên Tòa án cấp phúc thẩm không giải quyết. Do vậy, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông V.

**[5]** Đối với kháng cáo của bị đơn ông V, yêu cầu nguyên đơn phải trả lại chi phí dịch vụ pháp lý cho bị đơn số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi 35.700.000 đồng (Ba mươi lăm triệu bảy trăm ngàn đồng). Tổng cộng 105.700.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu bảy trăm ngàn đồng).

**[5.1]** Hồ sơ vụ án thể hiện, ngày 15/11/2018, giữa Văn phòng Luật sư do ông Thục đại diện theo pháp luật và ông Vũ, bà A ký Hợp đồng dịch vụ pháp lý số: 93/HĐPL/2018, có nội dung: “Văn phòng Luật sư T (Sau đây gọi tắt là T&P) có trách nhiệm tư vấn pháp lý và cử người tham gia tố tụng cho ông Vũ, bà A (Sau đây gọi tắt là Khách hàng) với tư cách đại diện theo ủy quyền của bị đơn, trong vụ án: “Tranh chấp Hợp đồng đặt cọc mua bán nhà đất”, với nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Hiến, ông Trần Quốc Cường tại Tòa án nhân dân Quận 9 (nay là Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh. Chi phí hợp đồng dịch vụ là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), tham gia hai cấp xét xử, thanh toán làm 03 đợt. Đợt 1: Thanh toán 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng), ngay sau khi ký hợp đồng dịch vụ; Đợt 2: Thanh toán 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) khi các bên thống nhất được cách thức giải quyết vấn đề hoặc có Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Đợt 3: Thanh toán 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) khi Bản án bị kháng cáo (cấp phúc thẩm)”.

Cùng ngày, ông V và bà A giao cho Văn phòng Luật sư số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng); Đồng thời, ông Vũ, bà A lập Giấy ủy quyền cho ông Thục tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức) Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 22/3/2019, ông V và bà A lập Văn bản chấm dứt ủy quyền, số công chứng 7536, Quyền số: 03/TP/CC-SCC/HĐGD, có Phòng Công chứng số 3, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận, có nội dung: “...ông Vũ, bà A đã đơn phương chấm dứt về việc ủy quyền đối với ông Thục tham gia tố tụng cho ông Vũ, bà A với tư cách đại diện theo ủy quyền của bị đơn trong vụ án nêu trên.

**[5.2]** Tại khoản 3.1 Điều 3 của Hợp đồng dịch vụ pháp lý số: 93/HĐPL/2018, hai bên thỏa thuận, có nội dung: “Bên T&P đồng ý Khách hàng thanh toán cho T&P, phí dịch vụ trọn gói và sẽ không hoàn trả lại cho Khách hàng bất kỳ trong trường hợp nào...”; Và tại khoản 7.5 Điều 7 của Hợp đồng, có nội dung: “...Nếu Khách hàng tự ý chấm dứt hợp đồng thì phải tự chịu trách nhiệm và phải thanh toán đầy đủ chi phí, thù lao cho T&P ...”. (Bút lục số 93).

**[5.3]** Tại Phiếu thu tiền ngày 15/11/2018 của Văn phòng Luật sư, có nội dung: “Hôm nay, ngày 15/11/2018, Văn phòng Luật sư T có thu của ông Huỳnh Trần V. Địa chỉ: 7 B đường Q, KP. I, phường U, Quận 9. Lý do nộp: Thanh toán Đợt 1 HĐDVPL số 93/2018. Số tiền: 70.000.000 đồng (viết bằng chữ bảy mươi triệu đồng). (Bút lục số 81).

**[5.4]** Xét, ông V thừa nhận, sau khi giao số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) nêu trên thì ông T3 đã thực hiện việc tham gia tố tụng với tư cách là đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông V và bà A, trong vụ án dân sự sơ thẩm nêu tại mục [5.1]. Tuy nhiên, đến ngày 22/3/2019, ông V, bà A tự ý chấm dứt ủy quyền đối

với ông T3 về việc tham gia tố tụng trong vụ án nêu trên là vi phạm khoản 3.1 Điều 3 và khoản 7.5 Điều 7 của Hợp đồng dịch vụ pháp lý số: 93/HĐPL/2018 nêu tại mục [5.2]. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông V, yêu cầu Văn phòng Luật sư phải trả lại chi phí dịch vụ pháp lý, đợt 1 với số tiền là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 15/11/2018 đến ngày 27/02/2024 (ngày xét xử sơ thẩm), là 35.700.000 đồng (Ba mươi lăm triệu bảy trăm ngàn đồng). Tổng cộng 105.700.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu bảy trăm ngàn đồng) là có căn cứ nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông V.

**[6]** Bị đơn ông V kháng cáo yêu cầu Văn phòng Luật sư phải có văn bản xin lỗi, về việc Văn phòng Luật sư vu khống, xúc phạm danh dự của ông, cụ thể tại Đơn khởi kiện ngày 23/7/2019, nguyên đơn ghi bị đơn liên tục đưa ra những yêu cầu không có căn cứ pháp lý, vi phạm đạo đức xã hội là không đúng sự thật. Hội đồng xét xử, xét thấy, đây chỉ là phần trình bày của nguyên đơn trong đơn khởi kiện, ông Vũ không đưa ra được tài liệu, chứng cứ là nguyên đơn đã vu khống, xúc phạm danh dự ông. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu phản tố này là có căn cứ. Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông V.

**[7]** Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử, xét thấy yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Trần V là không có cơ sở chấp nhận; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm như ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ nên chấp nhận.

**[8]** Các nội dung khác, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

**[9]** Án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Trần V nên ông V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

-Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

-Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án;

-Căn cứ Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

### **Tuyên xử:**

**1.** Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bị đơn ông Huỳnh Trần V.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số:679/2024/DS-ST ngày 05-3-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Văn phòng Luật sư T, về việc yêu cầu ông Huỳnh Trần V và bà Lê Thị Kim A phải thanh toán tiền đợt 2 của Hợp đồng dịch vụ pháp lý số: 93/HĐPL/2018 ngày 15/11/2018, giữa Văn phòng Luật sư T và ông Huỳnh Trần V, bà Lê Thị Kim A, số tiền là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) và tiền lãi là 1.368.943 đồng (Một triệu ba trăm sáu mươi tám ngàn chín trăm bốn mươi ba đồng). Tổng cộng 31.368.943 đồng (Ba mươi một triệu ba trăm sáu mươi tám ngàn chín trăm bốn mươi ba đồng).

4. Chấp nhận 01 phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Huỳnh Trần V, yêu cầu chấm dứt Hợp đồng dịch vụ pháp lý số: 93/HĐPL/2018 ngày 15/11/2018, giữa Văn phòng Luật sư T và ông Huỳnh Trần V, bà Lê Thị Kim A.

5. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Huỳnh Trần V, như sau:  
Yêu cầu Văn phòng Luật sư T phải trả lại cho ông Huỳnh Trần V, các tài liệu gồm: 01 USB chứa các file tài liệu, hình ảnh, âm thanh; Bản chính Giấy phép xây dựng số: 2534/GPXD ngày 14/7/2018 do Ủy ban nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông V và Bản chính Hợp đồng thuê nhà ngày 28/11/2016, giữa ông Huỳnh Trần V và Công ty Thiết bị Y tế K;

Yêu cầu Văn phòng Luật sư T phải trả lại cho ông Huỳnh Trần V và bà Lê Thị Kim A chi phí dịch vụ pháp lý, đợt 1 với số tiền là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi là 35.700.000 đồng (Ba mươi năm triệu bảy trăm ngàn đồng). Tổng cộng 105.700.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu bảy trăm ngàn đồng).

Yêu cầu Văn phòng Luật sư T phải có văn bản xin lỗi về việc vu khống, xúc phạm danh dự ông Trần Huỳnh V.

#### 6. Án phí dân sự sơ thẩm:

Văn phòng Luật sư T phải chịu 1.568.447 đồng (Một triệu năm trăm sáu mươi tám ngàn bốn trăm bốn mươi bảy đồng), được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí Văn phòng Luật sư T đã nộp 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0026200 ngày 31/7/2019 và số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0026709 ngày 23/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9 (nay là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh. Văn phòng Luật sư T còn được nhận lại 518.447 đồng (Năm trăm mười tám ngàn bốn trăm bốn mươi bảy đồng).

Ông Huỳnh Trần V chịu 5.285.000 đồng (Năm triệu hai trăm tám mươi lăm ngàn đồng), được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông V nộp 300.000 đồng (Ba

trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0046596 ngày 28/8/2020 và số tiền 2.222.500 đồng (Hai triệu hai trăm hai mươi hai ngàn năm trăm đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0047565 ngày 12/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Huỳnh Trần V còn phải nộp thêm 2.462.500 đồng (Ba triệu không trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm đồng).

#### **7. Án phí dân sự phúc thẩm:**

Ông Huỳnh Trần V chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông V đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số: 0026161 ngày 08/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông V đã nộp đủ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TAND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Thu**